TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – TÂY NINH** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 5 – 2026
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lý

2. Ông Huỳnh Anh Huy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32A/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà T, ông T1 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân

dân xã T, tỉnh Tây Ninh) vào ngày 21/01/2008 (Số đăng ký 05/2008). Trong quá trình chung sống, bà T và ông T1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị Khánh B, sinh ngày 17/09/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông T1 không chăm lo gia đình, cũng không phụ giúp gia đình về kinh tế. Cả hai đã không còn sống chung từ tháng 8/2024, bà T trở về nhà ba mẹ ruột sinh sống.

Nay, bà T nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn, bà không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

– *Về hôn nhân:* Bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

– *Về con chung:* Con chung Nguyễn Thị Khánh B, sinh ngày 17/09/2007 đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– *Về tài sản và nợ:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Văn T1: Ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2008 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bà Trần Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn T1: Bà Trần Thị Thanh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn T1:

Bà Trần Thị Thanh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông T1 không lo phụ giúp gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông T1 không có ý kiến phản bác lời trình bày của bà T, không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà T xác định không còn tình cảm và vẫn cương quyết ly hôn với ông T1, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T1.

[4] Về con chung: Bà T xác định bà và ông T1 có 01 con chung Nguyễn Thị Khánh B, sinh ngày 17/09/2007. Do con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T1 vắng mặt không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về tài sản và nợ: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T1 không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn T1.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004985 ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh sang thi hành án phí. Bà T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 2 – Tây Ninh;
- Phòng THADS KV 2 – Tây Ninh;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thật